

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM THÀNH OANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI THỰC PHẨM THÀNH OANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108692684

**3. Ngày thành lập:** 10/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Dư Xá, Xã Hòa Nam, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915 1215 24

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1010        |
| 2.  | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1062        |
| 3.  | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1071        |
| 4.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất bột canh, thực phẩm bổ sung, hạt nêm bổ sung canxi, hạt nêm từ nấm hương và hạt sen bổ sung vi chất kẽm, phụ gia thực phẩm, hỗn hợp tăng vị bột ngọt, bánh ngũ cốc dinh dưỡng dạng thanh(có bổ sung vi chất dinh dưỡng); thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung vi chất cho trẻ em. Sản xuất nước sốt và sản phẩm tương tự (sốt me, sốt mè, tương ớt, dầu hào...)<br>Sản xuất bột ngọt, bột nêm, chất tạo ngọt năng lượng thấp; gia vị dạng lỏng(nước tương và các sản phẩm gia vị làm từ đậu nành), gia vị hỗn hợp dạng lỏng, gia vị cà ri. | 1079(Chính) |
| 5.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4511        |
| 6.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4512        |
| 7.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4513        |
| 8.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4520        |
| 9.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4530        |
| 10. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4542        |
| 11. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4543        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4931        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (Điều 9 Nghị định 86/2014/NĐ-CP.)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4933        |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5210        |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa<br>Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229        |
| 17. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh mua/bán nhà để ở và quyền sử dụng đất để ở, đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở, đất không để ở.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 6810        |
| 18. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1104        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ OÁNH | Thôn Dư Xá, Xã Hòa Nam, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | 300.000.000           | 30,000    | 001182012726                                                                                                                                      |         |
| 2   | TRỊNH VĂN THÀNH | Thôn Dư Xá, Xã Hòa Nam, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | 700.000.000           | 70,000    | 001080005427                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRỊNH VĂN THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/12/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001080005427

Ngày cấp: 06/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL&DLQG về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Dư Xá, Xã Hòa Nam, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Dư Xá, Xã Hòa Nam, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội